TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 7 - 2023
" Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Phạm Thiện Bửu

Ông Bùi Minh Châu

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên. a

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án Nhân dân thành phố T, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 14/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST- HNGĐ ngày 04/7/2023, về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng " giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm A, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979; (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm H, phường C, thành phố M, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B quen biết, tìm hiểu nhau và quyết định tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C, Giấy đăng ký kết hôn ký ngày 12/8/2018. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Anh P, sinh ngày 07/12/2017. Thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên

phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đã ra sống riêng từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nay chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Anh P, sinh ngày 07/12/2017 đang sống với anh B, chị thống nhất giao cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị L thống nhất chịu theo quy định pháp luật.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản ý kiến.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt, đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L, giao cho anh Nguyễn Văn B được tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Anh P, sinh ngày 07/12/2017, chị Liểu tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn B được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Tòa án thành phố T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án*:* Xét việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn B cưới nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố C theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị L và anh B là hôn nhân hợp pháp. Chị L trình bày trong quá trình chung sống với nhau, thời gian gần đây

vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đã ra sống riêng từ năm 2020 đến nay và theo Công văn số: 224/UBND- TP ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T cung cấp thông tin về việc mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh B là do điều kiện kinh tế gặp khó khăn nên dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng. Xét thấy trình bày của chị L thì chị và anh B không còn chung sống với nhau đã 03 năm nhưng anh chị không tạo điều kiện để hàn gắn được.

Đối với anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án tống đạt văn bản Tố tụng hợp lệ nhưng anh B không có văn bản ý kiến và không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Chứng tỏ anh B không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những cơ sở trên xét thấy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Văn B đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn B có một con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Anh P, sinh ngày 07/12/2017, hiện đang sống với anh Bình, chị L tự nguyện giao cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy việc tự nguyện của chị L giao cho anh B nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng cho con 3.000.000đ/tháng là hoàn toàn phù hợp nên Hội đồng xét xử công nhận việc tự nguyện của chị L.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a, khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, tu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án : "Nguyên đơn phải chịu án phí dân sư sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn" , theo điểm a khoản 6 "Người có nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chị án phí dân sư sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch" .Vậy, chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, tổng cộng chị L phải chịu án phí là 600.000đ; anh Nguyễn Văn B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Công nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L: Anh Nguyễn Văn B được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huỳnh Anh P, sinh ngày 07/12/2017. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) kể từ tháng 7/2023 đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0006850 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, chị Nguyễn Thị L phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- Các Đương sự;
- VKSND TP.T ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Thị Mỹ Dung